

NGŨ CẢNH

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được khái niệm *ngữ cảnh*, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

– Biết nói và viết cho phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp, đồng thời có năng lực lĩnh hội chính xác nội dung, mục đích của lời nói, câu văn trong mối quan hệ với ngữ cảnh.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài học có những kiến thức lí thuyết mới mà HS chưa học ở các lớp dưới. Nhưng nội dung bài học có những điểm liên quan đến kiến thức đã học, như liên quan đến bài *Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ ở lớp 10* (học kì I). Hơn nữa, giao tiếp ngôn ngữ là hoạt động quen thuộc của HS. Vì vậy, GV cần tạo điều kiện để HS phát huy những kiến thức đã có và những hiểu biết về giao tiếp ngôn ngữ hàng ngày vào bài học.

2. Trọng tâm bài học

Có ba vấn đề cần chú ý :

a) Khái niệm *ngữ cảnh* : Cần hiểu *ngữ cảnh* là bối cảnh ngôn ngữ mà ở đó một yếu tố ngôn ngữ được sử dụng hoặc được tạo ra trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ, đồng thời người nghe (người đọc) dựa vào bối cảnh đó mà lĩnh hội được lời nói, câu văn.

b) Các nhân tố của ngữ cảnh

– Nhân vật giao tiếp (người nói/người nghe ; người viết/người đọc). Mỗi nhân vật giao tiếp đều có những đặc điểm về nhiều mặt : lứa tuổi, giới tính, dân tộc, nghề nghiệp, cá tính, địa vị xã hội, quan hệ xã hội, địa phương sinh sống,... Những đặc điểm này luôn luôn chi phối lời nói của cá nhân và chi phối việc lĩnh hội lời nói của người khác.

– Bối cảnh ngoài ngôn ngữ :

+ Bối cảnh giao tiếp rộng (còn gọi là bối cảnh văn hoá) : đó là bối cảnh xã hội, lịch sử, địa lí, văn hoá, phong tục tập quán, thể chế chính trị,... ở bên ngoài ngôn ngữ.

Những yếu tố đó tạo nên môi trường giao tiếp, chi phối cả người nói và người nghe, cả quá trình tạo lập và quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn.

+ Bối cảnh giao tiếp hẹp (còn gọi là bối cảnh tình huống) : đó là thời gian, địa điểm cụ thể, tình huống giao tiếp cụ thể.

+ Hiện thực được nói tới : tạo nên đề tài và nghĩa sự việc cho câu nói. Đối với từ ngữ, hiện thực được nói tới tạo nên phần nghĩa biểu vật, là cơ sở cho việc quy chiếu của từ ngữ.

– Văn cảnh : bao gồm tất cả các yếu tố ngôn ngữ cùng có mặt trong văn bản, đi trước hoặc đi sau một yếu tố ngôn ngữ nào đó. Văn cảnh có ở dạng ngôn ngữ viết và dạng ngôn ngữ nói, cả ở văn bản đơn thoại và văn bản đối thoại.

c) Vai trò của ngữ cảnh

Ngữ cảnh đóng vai trò quan trọng ở hai phương diện :

– Đối với người nói (người viết), cũng là đối với quá trình tạo lập lời nói, câu văn, ngữ cảnh là cơ sở của việc dùng từ, đặt câu, kết hợp từ ngữ,...

– Đối với người nghe (người đọc), cũng tức là đối với quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn, ngữ cảnh là căn cứ để lĩnh hội từ ngữ, câu văn, hiểu được nội dung, ý nghĩa, mục đích,... của lời nói, câu văn.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Nên dùng phương pháp quy nạp : GV hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu rồi nêu ra nhận định và tổng kết (phần *Ghi nhớ*). SGK đã trình bày theo trình tự quy nạp. Ngoài ra, trong hoạt động dạy học, nên đối chiếu giữa trạng thái cô lập của câu và trạng thái có quan hệ với ngữ cảnh.

– Ở phần *Luyện tập*, GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập. Có thể tiến hành làm bài tập theo từng cá nhân hoặc nhóm học tập, sau đó tổng kết về nội dung giải bài tập ở toàn lớp.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Bài có hai phần :

– Phần kiến thức.

– Phần luyện tập.

Qua phần luyện tập, HS củng cố và nâng cao kiến thức, kĩ năng ; còn GV thì có điều kiện để kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS.

GV tiến hành các hoạt động dạy học theo ba nội dung : Khái niệm ngữ cảnh, các nhân tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh.

a) Khái niệm : Để hình thành khái niệm ngữ cảnh, GV cho HS phân tích ngữ liệu (câu văn trích trong truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam). Thứ tự phân tích theo các câu hỏi trong bài. Phần nhận xét, GV có thể cho HS đọc sách, kết hợp với hoạt động phân tích, diễn giảng của GV.

b) Các nhân tố của ngữ cảnh : GV hướng dẫn HS tìm hiểu các nội dung trong bài. Cần xen kẽ để đưa và phân tích ví dụ cụ thể (SGK đã đưa và phân tích một ví dụ thống nhất từ đầu bài, GV và HS có thể bổ sung thêm ví dụ).

c) Vai trò của ngữ cảnh : GV cần lưu ý HS đến cả hai quá trình (sản sinh và lĩnh hội).

Các nội dung ghi nhớ trong bài đều là những nội dung cốt yếu. GV yêu cầu HS đọc nhiều lần và nhập tâm phần *Ghi nhớ*.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS thông qua các bài tập ở phần *Luyện tập*.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Đây là hai câu trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Cần căn cứ vào hoàn cảnh sáng tác bài văn tế để thấy được các chi tiết trong hai câu văn đều bắt nguồn từ hiện thực. HS cần xem lại các chú thích về hai câu văn trong bài học ở phần Văn học. Câu văn trong bài văn tế xuất phát từ bối cảnh : tin tức về kẻ địch đến đã phong thanh mười tháng nay mà lệnh quan (đánh giặc) thì vẫn còn chờ đợi. Người nông dân đã thấy rõ hình ảnh đơ bẩn của kẻ thù và căm ghét chúng mỗi khi thấy bóng dáng tàu xe của chúng.

Bài tập 2

Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương gắn liền với tình huống giao tiếp cụ thể : đêm khuya, tiếng trống canh dồn dập mà người phụ nữ vẫn cô đơn, trơ trọi... Câu thơ là sự diễn tả tình huống, còn tình huống là nội dung đề tài của câu thơ. Tất nhiên, ngoài sự diễn tả tình huống, câu thơ còn bộc lộ tâm sự của nhân vật trữ tình – của chính tác giả, một người phụ nữ lận đận, trắc trở trong tình duyên.

Bài tập 3

HS cần xem lại (hoặc nhớ lại) bài thơ *Thương vợ* của Tú Xương (cả phần *Tiểu dẫn* và các chú thích từ ngữ cuối bài thơ). Từ hoàn cảnh về cuộc sống của nhà thơ, có thể thấy vợ Tú Xương là một người tần tảo, chịu thương chịu khó làm ăn để nuôi chồng, nuôi con. Bà kiếm sống bằng nghề buôn bán nhỏ. Những chi tiết trong hoàn cảnh sống của gia đình Tú Xương chính là bối cảnh tình huống cho nội dung của các câu thơ trong bài (sáu câu thơ đầu). Ví dụ việc dùng thành ngữ *một duyên hai nợ* không phải chỉ để nói đến nỗi vất vả của bà Tú, mà xuất phát từ chính ngữ cảnh sáng tác : bà Tú phải làm để nuôi cả con và chồng (ông Tú).

Bài tập 4

HS cần xem lại (hoặc nhớ lại) bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* ở phần *Đọc thêm* (cả phần *Tiểu dẫn* và các chú thích từ ngữ). Hoàn cảnh sáng tác chính là ngữ cảnh của các câu thơ trong bài. Rõ nhất là sự kiện vào năm Đinh Dậu (1897), chính quyền mới do thực dân Pháp lập nên (nhà nước) đã tổ chức cho các sĩ tử Hà Nội xuống thi chung ở trường Nam Định. Trong kì thi đó, Toàn quyền Pháp ở Đông Dương là Đu-me đã cùng vợ đến dự. Những sự kiện đó chính là ngữ cảnh tạo nên các câu thơ.

Bài tập 5

Bài tập đã nêu tình huống (bối cảnh giao tiếp hẹp) : Trên đường đi, hai người không quen biết gặp nhau. Trong tình huống đó, người ta không đường đột hỏi về những chuyện riêng tư (có hay không có đồng hồ), mà chỉ có thể hỏi nhau về những đề tài khách quan, có quan hệ đến mọi người. Cho nên câu hỏi của người đi đường cần hiểu là không phải nói về đề tài đồng hồ, mà nói về thời gian, nhằm mục đích nêu nhu cầu cần biết thông tin về thời gian.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ dụng học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
3. Bùi Minh Toán, *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Sđd.